TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: ..…/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2026
V/v Tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Vân và bà Nguyễn Thị Thắm
- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa: Ông Tô Quốc Hải – Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 04 năm 2026 tại Phòng xét xử số 01 Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 446/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2026/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. CCCD: 001189xxxxxx, ngày cấp 22/11/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Bị đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1988; CCCD: 030088xxxxxx, ngày cấp 22/11/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Đều thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã T, Thành phố Hà Nội.
(chị L có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quang T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (Nay là UBND xã T, Thành phố Hải Phòng) và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 08/05/2017. Anh T là người ở tỉnh thành khác, sau khi lấy nhau

chị L và anh T có thuê nhà để ở trong 3 năm nhưng sau khi sinh cháu thứ ba, vì dịch bệnh và kinh tế khó khăn nên vợ chồng chuyển về nhà mẹ đẻ chị L tại thôn Đ, xã T để chung sống. Gia đình chị L có 2 căn nhà cạnh nhau, vợ chồng chị L sống tại căn nhà cạnh căn nhà gia đình chị sinh sống. Trong quá trình chung sống chị và anh T không hòa hợp thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa chị và anh T diễn ra ngày càng trầm trọng và gay gắt khi anh T có tính ghen tuôn, đánh đập chị gây tổn thương tinh thần không chỉ với chị mà cả các con chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị L và anh T vẫn sống cùng nhà nhưng việc ai người đấy làm không liên quan gì về tình cảm lẫn kinh tế. Đến tháng 12/2025, anh T đã chuyển về quê ở Hải Phòng cùng với cháu Phạm Gia H để sinh sống, anh T đã xin phép chị chuyển trường cho cháu Phạm Gia H. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang T.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 26/1/2012; Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 03/1/2020. Hiện 02 con chung Phạm Gia B và Phạm Gia H1 đang sinh sống cùng chị L1 tại Thôn Đ, xã T, Thành phố Hà Nội; 01 con chung Phạm Gia H đang sinh sống cùng anh T tại Thành phố Hải Phòng. Vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Gia B và Phạm Gia H1; anh T nuôi dưỡng 01 con chung Phạm Gia H và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Quang T vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh T đều vắng mặt, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhưng anh T cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Theo bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa của cháu Phạm Gia B là con chung của chị L và anh T: Trong quá trình chung sống cả nhà cháu ở nhờ nhà bà ngoại, cháu có chứng kiến cảnh bố mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Gần tết năm 2026 bố mẹ cháu có cãi nhau to và bố đã đưa em cháu là Phạm Gia H về Hải Dương học.

Theo quan điểm của cháu thì bố mẹ không thể ở chung với nhau nữa, nay mẹ L ly hôn với bốTriệu, nguyện vọng của cả hai cháu xin được ở cùng với mẹ L.

* Theo lời khai của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967 là mẹ đẻ của chị L: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, lời khai của chị L là đúng, chị L và anh T lấy nhau là tự nguyện. Anh T là ngươi tỉnh thành khác, sau khi lấy nhau chị L và anh T có thuê nhà

để ở trong 03 năm nhưng sau khi sinh cháu thứ ba, vì dịch bệnh và kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị L và anh T chuyển về gia đình tôi tại thôn Đ, xã T để sinh sống. Vợ chồng sinh sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tôi có gặng hỏi thì biết được chị L và anh T không hoà hợp thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T diễn ra ngày càng trầm trọng và gay gắt khi anh T có tính ghen tuông, đánh đập chị L. Chị L và anh T vẫn sống cùng gia đình tôi nhưng việc ai người đấy làm không liên quan gì về tình cảm lẫn kinh tế, anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Trước tết năm 2026, anh T đã chuyển trường cho cháu Phạm Gia H về quê ở Hải Dương học tập. Nay chị L xin ly hôn với anh T, quan điểm của tôi là các cháu không thể đoàn tụ, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh T có 03 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 26/01/2012; Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 03/01/2020, hiện nay con chung Gia B và Gia H1 đều đang ở cùng chị L. Còn cháu Phạm Gia H trước tết anh T đã cho con về Hải Dương. Nay ly hôn, bà T1 đề nghị Tòa án xử giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, giao anh T con chung cháu Gia H nuôi dưỡng. Về các vấn đề khác không nắm được và không có ý kiến gì.

* Qua xác minh tại UBND xã T thể hiện: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Quang T đều có đăng ký thường trú tại địa bàn xã và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Anh chị lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã T) từ năm 2017. Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có nhiều mâu thuẫn phía gia đình và địa phương có biết và đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không thành. Chị L và anh T có 03 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 26/01/2012; Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 03/01/2020. Hiện chị L đang làm công việc tự do, tháng nhiều tháng ít không thể chứng minh được thu nhập. Nay chị L yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xem xét các điều kiện để chị L được nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi cho 02 con chung. Còn cháu Phạm Gia H sẽ được anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn anh Phạm Quang T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L xử cho chị L được ly hôn anh T. Anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về con chung: Giao 03 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 26/01/2012; Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 03/01/2020, cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Gia B và cháu Phạm Gia H1 đến khi trưởng thành. Còn cháu Phạm Gia H sẽ được anh T nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu và anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (Nay là UBND xã T, Thành phố Hải Phòng) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Phạm Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Quang T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/05/2017, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh T không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa chị và anh T diễn ra ngày càng trầm trọng và gay gắt khi anh T có tính ghen tuôn, đánh đập chị gây tổn thương tinh thần không chỉ với chị mà cả các con chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị L và anh T vẫn sống cùng nhà nhưng việc ai người đấy làm không liên quan gì về tình cảm lẫn kinh tế. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt, chị Nguyễn Thị L đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị L xin ly hôn.

[3] Về con chung: Xét chị L có công việc tự do, gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện chỗ ở cho ba mẹ con sau khi ly hôn cùng nguyện vọng của hai con chung nên giao chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Gia H1 sinh ngày 03/01/2020 và Phạm Gia B, sinh ngày 26/01/2012 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Cháu Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/20217 giao cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Quang T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Quang T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Gia H1 sinh ngày 03/01/2020 và Phạm Gia B, sinh ngày 26/01/2012 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Cháu Phạm Gia H, sinh ngày 13/12/20217 giao cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0017086 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà